
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTINVEST
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được soát xét bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Lãnh đạo	2-3
Báo cáo kết quả công tác soát xét	4
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	5-23
<i>Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>5 – 6</i>
<i>Báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>7</i>
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>8 – 10</i>
<i>Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>11</i>
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>12-23</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTINVEST

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Chứng khoán Smartinvest (dưới đây được gọi là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán SmartInvest (được đổi tên từ Công ty Cổ phần chứng khoán Hamico) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015026 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 13 tháng 03 năm 2006; Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động số 38/UBCK – GPHĐKD ngày 26 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, giấy phép điều chỉnh gần nhất số 45/GPĐC – UBCK ngày 19 tháng 10 năm 2015 đổi tên Công ty Cổ phần Chứng khoán Hamico thành Công ty Cổ phần chứng khoán SmartInvest.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 22.000.000.000 VND.

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Tầng 4, số 70 Nam Đồng, quận Đống Đa, Hà Nội

Mã số thuế : 0 1 0 2 1 1 1 1 3 2

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả thu nhập toàn diện giữa niên độ, lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 05 đến trang 23).

Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Lãnh đạo Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2016 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Trần Minh Tuấn	Chủ tịch
Bà Ngô Thị Thùy Linh	Thành viên
Ông Nguyễn Thành Đạt	Thành viên



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTINVEST

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên

Chức vụ

Bà Ngô Thị Thùy Linh

Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Thọ

Phó Tổng Giám đốc

Ông Phan Văn Huy

Phó Tổng Giám đốc

Bổ nhiệm ngày 14 tháng 3 năm 2016

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Xác nhận của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Lãnh đạo phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Lãnh đạo đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Lãnh đạo Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Thay mặt Ban Lãnh đạo,

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Trần Minh Tuấn

Ngày 11 tháng 8 năm 2016

0203
CÔNG
CH NH
KIỂM
IÂN T
S Đ

Số : 0206.01.01/2016/NVT2-BCTC
Ngày : 11 tháng 8 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

Về Báo cáo tài chính giữa niên độ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kính gửi : **Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Chứng khoán Smartinvest

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Smartinvest, được lập ngày 11 tháng 8 năm 2016 từ trang 05 đến trang 23, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Lãnh đạo Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hồng Thanh
GCNĐKHKT số: 0053-2014-124-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Thị Hạnh
GCNĐKHKT số: 1690-2014-124-1

Trụ Sở Chính:

Số 187 đường Nguyễn Lương Bằng, P. Quang Trung, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội
[T] (84-4) 3761 3399 [F] (84-4) 3761 5599 [W] www.ntva.vn [E] vpa@ntv.vn

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:

Tòa nhà Hoàng Anh Safomec- 7/1 Thành Thái, P. 14, Q. 10, TP. Hồ Chí Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTINVEST

Địa chỉ: Tầng 4, số 70 Nam Đồng, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B02 - CTCK

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		4.746.775.821	5.248.593.401
I. Tài sản tài chính	110		4.345.376.999	5.241.873.401
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	V.1	4.005.438.706	4.677.747.363
1.1. Tiền	111.1		4.005.438.706	4.677.747.363
1.2. Các khoản tương đương tiền	111.2		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	118		154.938.293	926.038
3. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	V.2	185.000.000	563.200.000
4. Các khoản phải thu khác	122		-	-
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		401.398.822	6.720.000
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	V.3	195.688.582	-
2. Tài sản ngắn hạn khác	135	V.4	205.710.240	6.720.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		10.300.984.925	9.825.728.885
I. Tài sản tài chính dài hạn	210		3.000.000.000	7.000.000.000
1. Các khoản phải thu dài hạn	211	V.5	3.000.000.000	7.000.000.000
II. Tài sản cố định	220		4.392.608.684	2.825.728.885
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	4.392.608.684	2.825.728.885
- Nguyên giá	222		4.429.521.362	4.258.595.566
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223a		(36.912.678)	(1.432.866.681)
- Đánh giá TSCĐHH theo giá trị hợp lý	223b		4.392.608.684	2.825.728.885
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	-	-
- Nguyên giá	228		176.000.000	176.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229a		(176.000.000)	(176.000.000)
- Đánh giá TSCĐVH theo giá trị hợp lý	229b		-	-
III. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240	V.8	2.825.612.800	-
IV. Tài sản dài hạn khác	250		82.763.441	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	252		82.763.441	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		15.047.760.746	15.074.322.286

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTINVEST

Địa chỉ: Tầng 4, số 70 Nam Đồng, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		653.517.753	691.721.546
1. Phải trả người bán ngắn hạn	320	V.9	557.298.550	542.298.550
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321	V.10	33.000.000	50.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	V.11	25.156.828	78.813.414
4. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	V.12	38.062.375	20.609.582
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		14.394.242.993	14.382.600.740
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	14.394.242.993	14.382.600.740
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		22.000.000.000	22.000.000.000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		22.000.000.000	22.000.000.000
a. Cổ phiếu phổ thông	411.1 a		22.000.000.000	22.000.000.000
b. Cổ phiếu ưu đãi	411.1 b		-	-
2. Lợi nhuận chưa phân phối	417		(7.605.757.007)	(7.617.399.260)
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	440		15.047.760.746	15.074.322.286

Phụ trách kế toán



Vũ Thị Bích

Lập, ngày 11 tháng 8 năm 2016

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Trần Minh Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTINVEST

Địa chỉ: Tầng 4, số 70 Nam Đồng, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO THU NHẬP TOÀN DIỆN GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU B01 - CTCK

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1. Doanh thu tư vấn	8		162.000.000	195.454.545
2. Thu nhập hoạt động khác	11		-	59.714
Cộng doanh thu hoạt động	20	VI.1	162.000.000	195.514.259
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
1. Chi phí tư vấn	29		27.413.400	191.386.000
Cộng chi phí hoạt động	40	VI.2	27.413.400	191.386.000
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định phát sinh trong kỳ	42		47.140	-
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	50	VI.3	47.140	-
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62		235.648.073	202.964.342
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	70		(101.014.333)	(198.836.083)
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
1. Thu nhập khác	71	VI.4	114.813.414	-
2. Chi phí khác	72		-	-
Cộng kết quả hoạt động khác	80		114.813.414	-
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90=70 + 80)	90		13.799.081	(198.836.083)
9.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		13.799.081	(198.836.083)
9.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	92		-	-
X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100	VI.5	2.156.828	-
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1		2.156.828	-
10.2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2		-	-
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)	200		11.642.253	(198.836.083)
XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500		5	(90)
13.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	501	VI.6	5	(90)
13.2. Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	502		-	-

Phụ trách kế toán



Vũ Thị Bích



Trần Minh Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTINVEST

Địa chỉ: Tầng 4, số 70 Nam Đồng, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B03 - CTCK

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước Thuế thu nhập doanh nghiệp	1		11.642.253	(198.836.083)
2. Điều chỉnh cho các khoản:	2		(241.539.345)	2.464.974
Khấu hao TSCĐ	3		36.912.678	2.464.974
Các khoản dự phòng	4		-	-
Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện.	5		-	-
Chi phí phải trả, chi phí trả trước	06		(278.452.023)	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư (đầu tư công ty con, liên doanh, liên kết)	07		-	-
Dự thu tiền lãi	8		-	-
Các khoản điều chỉnh khác	9		-	-
3. Tăng các chi phí phi tiền tệ	10		-	-
Lỗi đánh giá giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua kết quả kinh doanh	11		-	-
Lỗi đánh giá giá trị các công nợ tài chính ghi nhận thông qua kết quả kinh doanh	12		-	-
Lỗi đánh giá giá trị các công cụ tài chính phái sinh	13		-	-
Lỗi từ thanh lý các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	14		-	-
Suy giảm giá trị của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	15		-	-
Lỗi đánh giá giá trị các công cụ tài chính phái sinh cho mục đích phòng ngừa rủi ro	16		-	-
Lỗi từ thanh lý tài sản cố định	17		-	-
Suy giảm giá trị của các tài sản cố định	18		-	-
Lỗi từ thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết	19		-	-
4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ	20		(90.000.000)	-
Lãi đánh giá giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua kết quả kinh doanh	21		-	-
Lãi đánh giá giá trị các công nợ tài chính thông qua kết quả kinh doanh	22		-	-
Lãi từ thanh lý các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	23		-	-
Hoàn nhập suy giảm giá trị của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	24		-	-
Lãi đánh giá giá trị các công cụ tài chính phái sinh cho mục đích phòng ngừa	25		-	-
Lãi từ thanh lý các khoản cho vay và phải thu	26		-	-
Hoàn nhập chi phí dự phòng	27		-	-
Lãi từ thanh lý tài sản cố định, BĐSĐT	28		(90.000.000)	-
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết	29		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTINVEST

Địa chỉ: Tầng 4, số 70 Nam Đồng, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
5. Thay đổi tài sản và nợ phải trả hoạt động	30		-	-
Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ	31		-	-
Tăng (giảm) các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	32		-	-
Tăng (giảm) các khoản cho vay	33		-	-
Tăng (giảm) tài sản tài chính sẵn sàng để bán	34		-	-
Tăng (giảm) các tài sản khác	35		-	-
Tăng (giảm) các khoản phải thu	36		-	-
Tăng (giảm) vay và nợ thuê tài sản tài chính	37		-	-
Tăng (giảm) vay tài sản tài chính	38		-	-
Tăng (giảm) Trái phiếu chuyển đổi - Cấu phần nợ	39		-	-
Tăng (giảm) Trái phiếu phát hành	40		-	-
Tăng (giảm) vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	41		-	-
6. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	42		3.977.993.712	161.833.832
Tăng, giảm phải thu bán các tài sản tài chính	43		-	-
Tăng, giảm phải thu tiền lãi các tài sản tài chính	44		-	-
Tăng, giảm các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	45		378.200.000	(132.500.000)
Tăng, giảm các khoản phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán	46		-	-
Tăng, giảm các khoản phải thu khác	47		3.646.997.505	452.345.485
Tăng, giảm phải trả cho người bán	48		15.000.000	-
Tăng, giảm phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán	49		-	-
Tăng, giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	50		(62.656.586)	17.147.347
Tăng, giảm phải trả, phải nộp khác	51		452.793	(175.159.000)
Tăng, giảm Thuế TNDN CTCK đã nộp	52		-	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	53		-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	54		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60		3.658.096.620	(34.537.277)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	61		(4.429.405.277)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	62		99.000.000	-
3. Tiền chi đầu tư vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác	63		-	-
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác	64		-	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	65		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70		(4.330.405.277)	-

102
CỔ
TỊCH M
KIẾ
HÂN
S E

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTINVEST

Địa chỉ: Tầng 4, số 70 Nam Đồng, quận Đống Đa, Hà Nội


BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	71		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu quỹ	72		-	-
3. Tiền vay gốc	73		-	-
3.1. Tiền vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	73.1		-	-
3.2. Tiền vay khác	73.2		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	74		-	-
4.1. Tiền chi trả gốc vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	74.1		-	-
4.2. Tiền chi trả nợ gốc vay tài sản tài chính	74.2		-	-
4.3. Tiền chi trả gốc nợ vay khác	74.3		-	(424.200.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	75		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	76		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80		-	(424.200.000)
IV. Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	90		(672.308.657)	(458.737.277)
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	101	V.1	4.677.747.363	5.249.800.964
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	103	V.1	4.005.438.706	4.791.063.687

Phụ trách kế toán



Vũ Thị Bích

Lập, ngày 11 tháng 8 năm 2016

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Trần Minh Tuấn

384
NG
HIỆM
M T
TÂM
A -

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTINVEST

Địa chỉ: Tầng 4, số 70 Nam Đồng, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU B04 - CTCK
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/ giảm				cuối kỳ	
		Năm trước	Kỳ này	Năm trước		Kỳ này		Năm trước	Kỳ này
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
I. Biến động vốn chủ sở hữu									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		22.000.000.000	22.000.000.000	-	-	-	-	22.000.000.000	22.000.000.000
1.1. Vốn pháp định		22.000.000.000	22.000.000.000	-	-	-	-	22.000.000.000	22.000.000.000
1.2. Vốn bổ sung		-	-	-	-	-	-	-	-
1.3. Thặng dư vốn cổ phần		-	-	-	-	-	-	-	-
1.4. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		-	-	-	-	-	-	-	-
8. Lợi nhuận chưa phân phối		(7.680.143.394)	(7.617.399.260)	62.744.134	-	11.642.253	-	(7.617.399.260)	(7.605.757.007)
8.1. Lợi nhuận đã thực hiện		(7.680.143.394)	(7.617.399.260)	62.744.134	-	11.642.253	-	(7.617.399.260)	(7.605.757.007)
8.2. Lợi nhuận chưa thực hiện		-	-	-	-	-	-	-	-
Cộng	V.12	14.319.856.606	14.382.600.740	62.744.134	-	11.642.253	-	14.382.600.740	14.394.242.993

Phụ trách kế toán

Vũ Thị Bích

Lập, ngày 11 tháng 8 năm 2016
S.Đ.Đ. Chủ tịch Hội đồng Quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTINVEST

Địa chỉ: Tầng 4, số 70 Nam Đồng, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B05 - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Giấy chứng nhận thành lập Công ty Chứng khoán

Công ty Cổ phần Chứng khoán Smartinvest (được đổi tên từ Công ty Cổ phần Chứng khoán Hamico, gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015026 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 13 tháng 3 năm 2006 với vốn điều lệ của Công ty 22.000.000.000 VND; Giấy phép hoạt động thành lập và hoạt động số 38/UBCK – GPHDKD ngày 26 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, giấy phép điều chỉnh gần nhất số 45/GPĐC – UBCK ngày 19 tháng 10 năm 2015 đổi tên Công ty Cổ phần Chứng khoán Hamico thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Smartinvest.

2. Địa chỉ liên hệ của Công ty Chứng khoán

Địa chỉ: tầng 4, số 70 Nam Đồng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

3. Ngành nghề kinh doanh chính

Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường : Trong vòng 12 tháng

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Lãnh đạo đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTINVEST

Địa chỉ: Tầng 4, số 70 Nam Đồng, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi (-) các khoản dự phòng được ước tính cho các khoản phải thu khó đòi dựa trên cơ sở xem xét của Ban Giám đốc đối với các khoản còn chưa thu tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để trích lập dự phòng.

4. Nguyên tắc ghi nhận và trích khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTINVEST

Địa chỉ: Tầng 4, số 70 Nam Đồng, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải	10

5. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp. Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu hoạt động tư vấn

Doanh thu hoạt động tư vấn được ghi nhận trên kết quả kinh doanh khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.

9. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị giá vốn hàng hóa.

10. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là chi phí thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển. Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTINVEST

Địa chỉ: Tầng 4, số 70 Nam Đồng, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

12. Các công cụ tài chính

Các công cụ tài chính được phân loại là tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Tài sản tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành hoặc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính bao gồm tiền mặt, các khoản phải thu khách hàng và tài sản tài chính khác.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty là các khoản phải trả người bán.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

13. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số, VII.1.

0102
C
RÁCH
KIẾ
NHÂN
V

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTINVEST

Địa chỉ: Tầng 4, số 70 Nam Đồng, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	4.002.454.443	4.604.031.149
Tiền gửi ngân hàng	2.984.263	73.716.214
Cộng	<u>4.005.438.706</u>	<u>4.677.747.363</u>

2. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
Ông Nguyễn Anh Chiến	-	-	178.200.000	178.200.000
Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Thực Phẩm Hà Nội Kinh Bắc	185.000.000	185.000.000	385.000.000	385.000.000
Cộng	<u>185.000.000</u>	<u>185.000.000</u>	<u>563.200.000</u>	<u>563.200.000</u>

3. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Kỳ này</u>
Số đầu năm	-
Phát sinh tăng trong kỳ	207.104.800
Số phân bổ trong kỳ	11.416.218
Số cuối kỳ	<u>195.688.582</u>

4. Tài sản ngắn hạn khác

Là khoản thuế TNDN nộp thừa.

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa</i>	<i>6.720.000</i>	<i>6.720.000</i>	<i>6.720.000</i>	<i>6.720.000</i>
<i>Trả trước cho người bán Ngắn hạn</i>	<i>198.990.240</i>	<i>198.990.240</i>	-	-
Cty TNHH Xây dựng phát triển thương mại Nam Hưng	92.980.140	92.980.140	-	-
Công ty tòa nhà Thái Bình	106.010.100	106.010.100	-	-
Cộng	<u>205.710.240</u>	<u>205.710.240</u>	<u>6.720.000</u>	<u>6.720.000</u>

5. Các khoản phải thu dài hạn

Là khoản phải thu theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 2312/2015 giữa Công ty TNHH Tư vấn và Quản lý SmartInvest với Công ty Cổ phần Chứng khoán SmartInvest ngày 23 tháng 12 năm 2015 để xây dựng nhà văn phòng SmartInvest tại địa chỉ số 222 + 224 phố Tây Sơn và 220 Nguyễn Lương Bằng, sau khi dự án hoàn thành Công ty Cổ phần Chứng khoán SmartInvest có quyền thuê lại một phần diện tích sử dụng của tòa nhà.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTINVEST

Địa chỉ: Tầng 4, số 70 Nam Đồng, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	4.258.595.566 -	-	4.258.595.566
Tăng trong kỳ	-	4.429.521.362	4.429.521.362
Giảm do thanh lý	(1.432.866.681)	-	(1.432.866.681)
Giảm do phân loại lại (*)	(2.825.728.885)	-	(2.825.728.885)
Số cuối kỳ	-	4.429.521.362	4.429.521.362

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	1.432.866.681	-	1.432.866.681
Khấu hao trong kỳ	-	36.912.678	36.912.678
Thanh lý, nhượng bán	(1.432.866.681)	-	(1.432.866.681)
Số cuối kỳ	-	36.912.678	36.912.678

Giá trị còn lại

Số đầu năm	2.825.728.885	-	2.825.728.885
Số cuối kỳ	-	4.392.608.684	4.392.608.684

(*) Phân loại lại sang Xây dựng cơ bản dở dang do chưa nghiệm thu, bàn giao, chưa lắp đặt chạy thử.

7. Tài sản cố định vô hình

Là phần mềm máy vi tính đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là máy móc thiết bị mua về phục vụ mở trung tâm giao dịch chứng khoán theo hợp đồng mua bán máy móc thiết bị số số 02/122009/Gia Anh/FISBank với Công ty TNHH hệ thống thông tin ngân hàng tài chính FPT về mua trang thiết bị tin học. Các tài sản này hiện vẫn chưa được lắp đặt, chạy thử, nghiệm thu bàn giao.

9. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Hệ thống thông tin ngân hàng tài chính FPT	542.298.550	542.298.550
Công ty Phần mềm kế toán Cyber	15.000.000	-
Cộng	557.298.550	542.298.550

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTINVEST

Địa chỉ: Tầng 4, số 70 Nam Đồng, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn	16.500.000	-
Công ty Cổ phần Truyền thông số 1 ONE	-	50.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư - Phát triển Sông Đà	16.500.000	-
Cộng	<u>33.000.000</u>	<u>50.000.000</u>

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT	78.813.414	23.000.000	78.813.414	23.000.000
Thuế TNDN	-	2.156.828	-	2.156.828
Cộng	<u>78.813.414</u>	<u>25.156.828</u>	<u>78.813.414</u>	<u>25.156.828</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế GTGT là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

12. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Bảo hiểm xã hội	30.449.900	17.443.536
Bảo hiểm y tế	5.270.175	2.195.549
Bảo hiểm thất nghiệp	2.342.300	970.497
Cộng	<u>38.062.375</u>	<u>20.609.582</u>

13. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm trước	22.000.000.000	(7.680.143.394)	14.319.856.606
Lợi nhuận trong năm trước	-	62.744.134	62.744.134
Số dư cuối năm trước	<u>22.000.000.000</u>	<u>(7.617.399.260)</u>	<u>14.382.600.740</u>
Số dư đầu năm nay	22.000.000.000	(7.617.399.260)	14.382.600.740
Lợi nhuận trong kỳ	-	11.642.253	11.642.253
Số dư cuối kỳ này	<u>22.000.000.000</u>	<u>(7.605.757.007)</u>	<u>14.394.242.993</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTINVEST

Địa chỉ: Tầng 4, số 70 Nam Đồng, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO THU NHẬP TOÀN DIỆN GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu hoạt động**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu tư vấn	162.000.000	195.454.545
Doanh thu khác	-	59.714
Cộng	162.000.000	195.514.259

2. Chi phí hoạt động

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí tư vấn	27.413.400	191.386.000
Cộng	27.413.400	191.386.000

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	47.140	-
Cộng	47.140	-

4. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý tài sản cố định	90.000.000	-
Xử lý chênh lệch số dư thuế phải nộp	24.813.414	-
Cộng	114.813.414	-

5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Năm nay
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13.799.081
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	23.579.345
- Các khoản điều chỉnh tăng	23.579.345
Chi phí khấu hao xe ô tô chở người dưới 9 chỗ ngồi trên 1 tỷ 6 VND	23.579.345
- Các khoản điều chỉnh giảm	
Thu nhập chịu thuế	37.378.426
Thu nhập được miễn thuế	-
Lỗi các năm trước được chuyển	(26.594.288)
Thu nhập tính thuế	10.784.138
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.156.828

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTINVEST

Địa chỉ: Tầng 4, số 70 Nam Đồng, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	11.642.253	(198.836.083)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.200.000	2.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5	(90)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan**

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	73.705.000	40.800.000
Cộng	73.705.000	40.800.000

2. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.005.438.706	4.677.747.363	4.005.438.706	4.677.747.363
Phải thu khách hàng	185.000.000	563.200.000	185.000.000	563.200.000
Các khoản phải thu khác	3.000.000.000	7.000.000.000	3.000.000.000	7.000.000.000
Cộng	7.190.438.706	12.240.947.363	7.190.438.706	12.240.947.363
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	557.298.550	542.298.550	557.298.550	542.298.550
Các khoản phải trả khác	38.062.375	20.609.582	38.062.375	20.609.582
Cộng	595.360.925	562.908.132	595.360.925	562.908.132

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTINVEST

Địa chỉ: Tầng 4, số 70 Nam Đồng, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

4. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Lãnh đạo chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Lãnh đạo cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.005.438.706	-	-	4.005.438.706
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	185.000.000	-	-	185.000.000
Các khoản phải thu khác	-	3.000.000.000	-	3.000.000.000
Cộng	4.190.438.706	3.000.000.000	-	7.190.438.706
Phải trả người bán	557.298.550	-	-	557.298.550
Các khoản phải trả khác	38.062.375	-	-	38.062.375
Cộng	595.360.925	-	-	595.360.925
Chênh lệch thanh khoản thuần	3.595.077.781	3.000.000.000	-	6.595.077.781

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTINVEST

Địa chỉ: Tầng 4, số 70 Nam Đồng, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số đầu năm				
Tiền và các khoản trương đương tiền	4.677.747.363	-	-	4.677.747.363
Phải thu ngắn hạn khách hàng	563.200.000	-	-	563.200.000
Phải thu ngắn hạn khác	-	7.000.000.000	-	7.000.000.000
Cộng	5.240.947.363	7.000.000.000	-	12.240.947.363
Phải trả người bán	557.298.550	-	-	557.298.550
Các khoản phải trả khác	38.062.375	-	-	38.062.375
Cộng	595.360.925	-	-	595.360.925
Chênh lệch thanh khoản thuần	4.678.039.231	7.000.000.000	-	11.678.039.231

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

5. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ là số liệu trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Vaco. Số liệu so sánh trên Báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu năm 2015 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Vaco.

Áp dụng quy định mới về kế toán

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016, công ty áp dụng chế độ kế toán cho Công ty Chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Một số chỉ tiêu trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ đã được phân loại lại cho phù hợp với hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính theo chế độ kế toán áp dụng cho Công ty Chứng khoán mới. Cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Số liệu điều chỉnh lại	Số sau điều chỉnh
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ				
Phải thu khách hàng	131	563.200.000	(563.200.000)	-
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	-	563.200.000	563.200.000
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154	6.720.000	(6.720.000)	-
Tài sản ngắn hạn khác	135	-	6.720.000	6.720.000
Các khoản phải thu dài hạn	210	7.000.000.000	(7.000.000.000)	-
Tài sản tài chính dài hạn	210	-	7.000.000.000	7.000.000.000
Phải trả người bán	312	542.298.550	(542.298.550)	-
Phải trả người bán ngắn hạn	320	-	542.298.550	542.298.550

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SMARTINVEST

Địa chỉ: Tầng 4, số 70 Nam Đồng, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Người mua trả tiền trước	313	50.000.000	(50.000.000)	-
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321	-	50.000.000	50.000.000
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	78.813.414	(78.813.414)	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	-	78.813.414	78.813.414
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	328	20.609.582	(20.609.582)	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	-	20.609.582	20.609.582

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ

(Tăng)/giảm các khoản phải thu	9	319.845.485	(319.845.485)	-
Tăng giảm các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	45	-	(132.500.000)	(132.500.000)
Tăng, giảm các khoản phải thu khác	47	-	452.345.485	452.345.485
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	(158.011.653)	158.011.653	-
Tăng, giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	50	-	17.147.347	17.147.347
Tăng, giảm phải trả, phải nộp khác	51	-	(175.159.000)	(175.159.000)

Phụ trách kế toán

Vũ Thị Bích

Lập, ngày 11 tháng 8 năm 2016

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Trần Minh Tuấn